

Số: **54** /2014/QĐ-UBND

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu phí sử dụng hè, lề đường, lòng đường,  
bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khóa XIV Kỳ họp thứ 10 về việc ban hành, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Xét đề nghị của Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội - Sở Tài chính – Sở Tư pháp – Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình số 30039/TTrLN: CT-STC-TP-KBNN ngày 18 tháng 6 năm 2014,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Đối tượng nộp phí**

Các tổ chức, cá nhân khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước (hồ, ao, sông, kênh, rạch) vào mục đích trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô; kinh doanh; trung chuyển vật liệu xây dựng; làm bến đò; cấm biển quảng cáo trên hè, giải phân cách phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước.

### **Điều 2. Mức thu phí**

| <b>Nội dung thu, địa bàn thu phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Đơn vị tính</b>      | <b>Mức thu</b> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------|
| <b>I. Sử dụng tạm thời hè, lề đường, lòng đường để trông giữ xe ô tô:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | đ/m <sup>2</sup> /tháng |                |
| <b>1. Khu vực đô thị lõi (khu bảo tồn cấp I):</b><br>- Các tuyến phố: Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt; hè đường các tuyến phố: Hai Bà Trưng, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Giấy, Phủ Doãn, Quán Sứ                                                                                                                                                                                                    | đ/m <sup>2</sup> /tháng | 80.000         |
| <b>2. Các tuyến đường, phố còn lại của quận Hoàn Kiếm (trừ khu vực ngoài đê sông Hồng).</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | đ/m <sup>2</sup> /tháng | 60.000         |
| <b>3. Các tuyến đường, phố trên đường vành đai 1 và các tuyến phố phía trong đường vành đai 1 (trừ quận Hoàn Kiếm):</b><br>Khu vực từ Yên Phụ dọc theo đường đê sông Hồng xuống Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, xuống đê Nguyễn Khoái sang Trần Khát Chân, Đại Cồ Việt, Đê La Thành, Nguyễn Chí Thanh, Liễu Giai, Văn Cao, Hoàng Hoa Thám lên Thanh Niên đến Yên Phụ đi qua địa bàn các quận: Ba Đình; Đống Đa; Hai Bà Trưng | đ/m <sup>2</sup> /tháng | 60.000         |

| Nội dung thu, địa bàn thu phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính                                                                                       | Mức thu |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>4. Các tuyến đường, phố trên đường vành đai 2 đến vành đai 1 (bên hữu sông Hồng):</b> khu vực từ cầu Vĩnh Tuy - Minh Khai - Đại La - Ngã Tư Vọng - đường Trường Chinh - Ngã Tư Sở - đường Láng - Cầu Giấy - Bưởi - Nhật Tân đi qua địa bàn các quận: Hai Bà Trưng; Đống Đa; Ba Đình; Tây Hồ; Cầu Giấy                                                          | đ/m <sup>2</sup> /tháng                                                                           | 45.000  |
| <b>5. Các tuyến đường, phố trên đường vành đai 3 đến vành đai 2 (bên bờ hữu sông Hồng):</b> khu vực từ đường cao tốc Bắc Thăng Long - Nội Bài, đường Phạm Văn Đồng, đường Khuất Duy Tiến, đường Nghiêm Xuân Yên, cầu cạn Pháp Vân đến đầu cầu Thanh Trì đi qua địa bàn các quận: Hai Bà Trưng; Hoàng Mai; Thanh Xuân; Cầu Giấy; Tây Hồ; Nam Từ Liêm; Bắc Từ Liêm. | đ/m <sup>2</sup> /tháng                                                                           | 40.000  |
| <b>6. Các tuyến đường, phố còn lại của các quận</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | đ/m <sup>2</sup> /tháng                                                                           | 30.000  |
| <b>7. Thị xã Sơn Tây và các huyện ngoại thành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | đ/m <sup>2</sup> /tháng                                                                           | 20.000  |
| <b>II. Sử dụng tạm thời bến bãi (đất công) để trông giữ phương tiện giao thông.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               | Áp dụng mức thu quy định tương ứng với các tuyến đường, phố trên nhân với hệ số: k=0,6.           |         |
| <b>III. Tại các quận, huyện, thị xã (trừ các tuyến phố thuộc địa bàn quận Hoàn Kiếm)</b> Công ty Khai thác điểm đỗ xe được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời hè, lề đường, lòng đường bến bãi để tạm dừng, đỗ, trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô (Trường hợp xác định được doanh thu).                                                                     | Nộp vào ngân sách nhà nước mức phí bằng 3% trên doanh thu phục vụ tạm dừng, đỗ xe và trông giữ xe |         |
| <b>IV. Sử dụng hè, lề đường, lòng đường, bến bãi để trông giữ xe đạp, xe máy:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                   |         |
| <b>1. Tại quận Hoàn Kiếm:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                   |         |
| a. Đối với 17 tuyến phố (Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Diên Tiên Hoàng, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, Đồng Xuân, Hàng Giấy, Lý Thái Tổ, Hàng Bài, Phố Huế, Bà Triệu, Quán Sứ, Phủ Doãn, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng)                                                                                                                                    | đ/m <sup>2</sup> /tháng                                                                           | 45.000  |
| b. Các tuyến phố còn lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | đ/m <sup>2</sup> /tháng                                                                           | 25.000  |
| <b>2. Tại các quận, huyện, thị xã khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                   |         |

| Nội dung thu, địa bàn thu phí                                                                                                     | Đơn vị tính                | Mức thu          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------|
| a. Các tuyến phố chính thuộc 3 quận nội thành: Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa, các tuyến phố văn hoá ẩm thực, chợ đêm.            | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 45.000           |
| b. Các tuyến phố chính thuộc các quận: Thanh Xuân, Cầu Giấy, Tây Hồ, Long Biên, Hoàng Mai và Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm.   | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 40.000           |
| c. Các tuyến phố còn lại thuộc các địa bàn trên và các phố thuộc thị xã Sơn Tây                                                   | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 25.000           |
| d. Các huyện ngoại thành                                                                                                          | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 20.000           |
| <b>V. Sử dụng hè, lề đường, lòng đường, bến bãi để kinh doanh</b>                                                                 |                            |                  |
| 1. Các tuyến phố chính thuộc 4 quận nội thành: Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, các tuyến phố văn hoá ẩm thực, chợ đêm. | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 45.000           |
| 2. Các tuyến phố chính thuộc các quận: Thanh Xuân, Cầu Giấy, Tây Hồ, Long Biên, Hoàng Mai và Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm.   | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 40.000           |
| 3. Các tuyến phố còn lại thuộc các địa bàn trên và các phố thuộc thị xã Sơn Tây                                                   | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 25.000           |
| 4. Các huyện ngoại thành                                                                                                          | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 20.000           |
| <b>VI. Sử dụng hè, lề đường, lòng đường để trưng chuyển vật liệu xây dựng</b>                                                     | đ/m <sup>2</sup> /tháng    | 50.000           |
| <b>VII. Sử dụng bến, bãi làm bến đò</b>                                                                                           | Đồng/1 năm/1 đầu bến       | tối đa 100 triệu |
| <b>VIII. Sử dụng mặt nước hồ do Nhà nước quản lý để kinh doanh</b>                                                                | Đồng/m <sup>2</sup> /tháng |                  |
| 1. Thuộc các quận                                                                                                                 |                            | 40.000           |
| 2. Thuộc các huyện và thị xã Sơn Tây                                                                                              |                            | 25.000           |
| <b>IX. Cấm biển quảng cáo trên hè, giải phân cách</b>                                                                             | đồng/biển/tháng            | 50.000           |

Riêng mức thu quy định tại điểm VII (sử dụng bến, bãi làm bến đò): UBND các quận, huyện, thị xã nơi có bến đò khảo sát, xây dựng mức thu gửi Sở Tài chính thẩm trình UBND Thành phố quyết định mức cụ thể cho từng bến trên cơ sở mức thu tối đa trên.

### **Điều 3. Đơn vị thu phí**

1. Sở Giao thông Vận tải: Thu các trường hợp sử dụng tạm thời hè, lề đường, lòng đường để tạm dừng, đỗ ô tô, trông giữ xe đạp, xe máy; cấm biển quảng cáo trên hè, giải phân cách; kinh doanh (theo phân cấp)

2. UBND các quận, huyện, thị xã, các phường, thị trấn: thu phí sử dụng hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy; kinh doanh; trung chuyển vật liệu xây dựng, phí sử dụng mặt nước thuộc quyền quản lý (theo phân cấp).

3. UBND xã: thu phí sử dụng các bến đò thuộc quyền quản lý (theo phân cấp).

Đơn vị thu phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí phải cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp theo quy định.

### **Điều 4. Quản lý sử dụng tiền phí thu được**

1. Sở Giao thông Vận tải: Nộp ngân sách nhà nước 95% tổng số phí thu được; 5% số phí thu được để lại cho đơn vị thu phí.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các phường, thị trấn, các xã (theo phân cấp) nộp Ngân sách 90% tổng số phí thu được; 10% số phí thu được để lại cho đơn vị thu phí.

3. Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm: được để lại 10 % tổng số phí thu được của các tổ chức, cá nhân tham gia thí điểm mô hình “khoán quản”; 90% nộp ngân sách nhà nước để sử dụng phục vụ cho công tác giữ gìn trật tự đô thị theo đề án khoán quản và chi trả tiền công cho lực lượng chuyên trách giữ gìn trật tự đô thị trên địa bàn Quận.

Các đơn vị thu phí quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này có trách nhiệm quản lý, kê khai, quyết toán, nộp ngân sách và sử dụng số tiền phí thu được để lại theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 07 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

4. Tại các địa bàn quận, huyện, thị xã (trừ quận Hoàn Kiếm): Công ty khai thác điểm đỗ xe trực tiếp nộp phí sử dụng hè, lề đường, lòng đường, bến bãi để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô vào ngân sách Nhà nước.

### **Điều 5. Chứng từ thu phí**

Sử dụng biên lai thu phí do Cơ quan thuế phát hành hoặc tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

## **Điều 6. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn và Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: số 23/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009 về việc thu phí sử dụng hè, lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 07/2010/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009 về việc thu phí sử dụng hè, lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 46/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009, Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2010 về việc thu phí sử dụng hè, lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH TP;
- TT Thành uỷ, TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Ban KTNS HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- VP: Thành uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- VPUB: CPVP, các phòng CV;
- TT Tin học Công báo TP, Cổng giao tiếp điện tử TP;
- Lưu: VT. *WV/ 140*

(UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm sao gửi Quyết định này đến UBND các xã, phường, thị trấn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *TE*

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu